

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đại T1** –Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông **Trương Văn C** – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.

+ Ông **Võ Quang H1** – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Địa chỉ: **C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Văn C** - Giám đốc, vắng mặt.

+ Bà **Hoàng Thị V**, sinh năm 1973; bà **Hoàng Thị Huyền T2**, sinh năm 1995; bà **Hoàng Phượng Á**, sinh năm 2003. Cùng địa chỉ: **Cụm H, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông **Đỗ Anh T** trình bày:*

Vào chiều ngày 16/01/2023, ông **Hoàng Huy L** nhận được Thông báo số 12/TB-TTPTQĐ ngày 16/01/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng **khú tái định cư T, xã H, thành phố B** thông báo làm việc để nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 72.291.201 đồng, đính kèm theo nội dung của Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.537m², địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** và **UBND thành phố B** không hề giao bản chính Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của **UBND thành phố B** cho ông **L** theo quy định của điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Vào lúc 10h sáng ngày 6/12/2023, ông **L** liên hệ Văn thư Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** để yêu cầu cung cấp bản chính của Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của **UBND thành phố B**. Thì nhân viên Văn thư nói Thông báo chỉ có bản phô tô, bản chính phải lưu giữ ở **UBND thành phố B**. Nên ông **Hoàng**

Huy L chỉ nhận được bản phô tô của Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố B vào lúc 10h sáng ngày 06/12/2023.

Về nguồn gốc đất của ông L: Vào năm 1990, ông L nhận giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1). Nhưng khi thu hồi đất thì ông L không hề biết và không nhận được thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Ông L canh tác trên đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, đã xây nhà ở ổn định từ năm 1990 tại thửa đất số 202, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.537m²; địa chỉ thửa đất tọa lạc tại Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiều lần ông L đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại phương án phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với thửa đất nêu trên, việc hỗ trợ diện tích khi thu hồi đất canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo giá trị diện tích đất bị thu hồi theo bảng giá đất do U; hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống và sản xuất và hỗ trợ khác; đưa tài sản là cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ từ năm 2008 đến năm 2021 để tính toán bồi thường cho hộ gia đình Lẽ đúng theo nội dung của Mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 và Mục 2, 3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ và Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ và tại Mục 1 và Mục 3, 4 của Công văn số 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và nay là Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên, cho đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, ông L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết: Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Huy L:

Tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do ký ban hành không đúng quy định của pháp luật;

Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký ban hành lại quyết định, bổ sung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 5.537m² khi thu hồi đất canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo giá trị 5.537m² đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống và sản xuất; hỗ trợ khác hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định và đưa tài sản là cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ từ sau năm 2008 đến năm 2021 để tính toán bồi thường cho hộ gia đình L.

- Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B là ông Lê Đại T1 trình bày:

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26/3/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 87/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B cho hộ ông Hoàng Huy L, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã H và Hội trường Thôn A, xã H thời gian 20 ngày.

Ngày 16/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, UBMTTQVN xã H tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện khoản 2 Điều 17 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp UBND xã H tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến đúng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Hoàng Huy L là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi phê duyệt phương án, hộ ông Hoàng Huy L có ý kiến kiểm kê thiếu một số tài sản và sai năm trồng của một số loại cây.

Ngày 29/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBNDTTQVN xã H kiểm tra tài sản và cây trồng trên diện tích đất thu hồi của hộ ông Hoàng Huy L.

Ngày 07/11/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9245/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Hoàng Huy L là đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Nguồn gốc đất:

Năm 1990, ông Hoàng Huy L nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1), thời hạn hợp đồng 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Thôn A, xã H, thành phố B.

Diện tích đo đạc theo trích lục Mảnh trích đo địa chính số 16974/TL-VPĐKKĐĐ của hộ ông Hoàng Huy L là 5.537m², diện tích thu hồi thực hiện dự án: 3.726,3m².

Về đất:

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý*. Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa Công ty C1 với hộ ông Hoàng Huy L (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ ông Hoàng Huy L vẫn sử dụng trên diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ ông Hoàng Huy L không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Về tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng:

Nhà và vật kiến trúc xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất mà phục vụ sinh hoạt thì hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 06/3/2008 (Quyết định số 530) theo giá xây dựng mới. (Căn cứ điểm 4 khoản 9 Điều 1 Quyết định 27/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ).

- Cây trồng chính được hỗ trợ 100% đơn giá; cây trồng xen (cây trồng phụ) còn lại bằng 80% đơn giá cây trồng cùng loại, cây trồng tương đương và cây trồng vượt mật độ đến 50% so với mật độ cây trồng theo quy định thì được hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 50% đến 100% được bồi thường 30% giá trị cây trồng cùng chủng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường. Đồng thời mức hỗ trợ được xác định theo thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

Đối với tài sản cây trồng sau ngày 06/3/2008 (Quyết định số 530) thì không hỗ trợ (Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013: *Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường*).

Thời điểm tạo lập tài sản theo kết quả xác minh của UBND xã H tại Biên bản xác định thời điểm xây dựng ngày 22/01/2021 và Biên bản làm việc ngày 29/10/2021.

Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống...*

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng*

đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

Tại thời điểm UBND thành phố B phê duyệt phương án năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán thì hợp đồng nhận khoán của hộ ông Hoàng Huy L đã hết hạn. Do đó, hộ ông Hoàng Huy L không đủ cơ sở xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3: Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai;
- b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân;
- c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân ;
- d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.

Vậy, hộ ông Hoàng Huy L không thuộc đối tượng hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất. Do đó, không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”.

Tuy nhiên, hộ ông Hoàng Huy L đang sử dụng đất nhận giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1), không thuộc đối tượng

thu hồi đất. Do đó, hộ ông **Hoàng Huy L** không thuộc tượng quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ**.

Căn cứ quy định trên thì hộ ông **Hoàng Huy L** không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông **Hoàng Huy L** khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng **khu tái định cư T, xã H, thành phố B** đã được **UBND thành phố B** phê duyệt tại Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Hoàng Huy L**.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị V**, bà **Hoàng Thị Huyền T2**, bà **Hoàng Phượng Á**:*

Bà **V**, bà **T2**, bà **Á** thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông **Hoàng Huy L**, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2024/HC-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, khoản 1 Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013; Điều 23 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của **UBND tỉnh Đ**; mục 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ**.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Huy L**:

+ Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và một phần Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng **khu tái định cư T, xã H, thành phố B** đối với hộ ông **Hoàng Huy L**.

+ Buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt, trong đó phê duyệt bổ sung về cây trồng và hỗ trợ khác đối với hộ ông Hoàng Huy L theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Huy L về yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 03/7/2024 ông Hoàng Huy L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền cho ông L là ông Đỗ Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 17 tại xã H có nguồn gốc năm 1990, ông Hoàng Huy L nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1) với diện tích 5.537m², thời hạn hợp

đồng đến năm 2010, đến nay Công ty C1 vẫn chưa thanh lý hợp đồng với ông L. Diện tích đất ông L nhận giao khoán bị thu hồi là 4.539m².

[2.1] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông L, thì thấy:

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất:

Theo tại tại Hồ sơ giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê giữa ông Hoàng Huy L với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1) thể hiện: Ông L được sử dụng từ ngày 20/9/2008, thời hạn kể từ thời điểm ký kết đến hết vụ cà phê năm 2010 là hết thời hạn hợp đồng. Nhưng thực tế ông L vẫn quản lý, sử dụng, thu hoa lợi từ vườn cây cho đến năm 2021.

- Đối với yêu cầu đưa tài sản là cây trồng trên đất từ năm 2008 đến năm 2021 để tính toán, bồi thường và hỗ trợ khác - hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định do sử dụng đất trước ngày 15/10/1993:

Theo Quyết định số 530 của UBND tỉnh Đ thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B không gửi cho các hộ dân, không được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian thu hồi đất, dẫn đến hộ ông L không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất đến khi được thông báo. Quá trình sử dụng đất, hộ ông L cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó, đây là các tài sản hợp pháp của L nên được bồi thường theo quy định của pháp luật đất đai và theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

- Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ, ổn định đời sống sản xuất:

Theo tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) quy định: *“Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:... Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;”*.

Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, quy định:

“1. Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

...Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.

Việc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp là một nội dung trong trình tự thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau:

Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, khi có Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì cơ quan có trách nhiệm quy định tại các điểm a, b và c khoản này có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đề nghị xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm gửi văn bản xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình, cá nhân đó”.

Như vậy, ông **Hoàng Huy L** không cung cấp được tài liệu chứng minh được việc ông là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất hợp đồng nhận khoán đã hết hạn từ năm 2010 có thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm hay không.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **L**. Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và hủy một phần Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của **UBND thành phố B**. Buộc **UBND thành phố B** ban hành lại Quyết định phê duyệt, trong đó phê duyệt bổ sung về cây trồng và Hỗ trợ khác đối với hộ ông **L** theo quy định của pháp luật và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **L** về yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, ông **L** kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Hoàng Huy L** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Hoàng Huy L**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2024/HC-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông **Hoàng Huy L** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông **L** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014004 ngày 26/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho ông **Hoàng Huy L** số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông **T** nộp thay tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014007 ngày 31/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
pháp luật kể từ ngày tuyên án. *Nơi* **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSA, PHCTP, LT.

Phạm Ngọc Thái